TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 403/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2022
V/v "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường

2. Bà Võ Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Dũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 268/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tuyết M, sinh năm xxxx, có mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: Anh Đỗ Tấn T, sinh năm xxxx, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết M trình bày: Chị M và Anh T tổ chức cưới vào tháng 12 năm 2010, có đăng ký kết hôn, chung sống bên gia đình chồng đến tháng 3 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, do anh T không quan tâm gia đình, thường xuyên

uống rượu, anh T làm có tiền nhưng không lo cho vợ, con, vợ chồng có nhiều bất đồng, cãi nhau. Trong tháng 3 năm 2022 chị M về sống bên cha mẹ của chị đến nay, anh T kêu chị nộp đơn ra Tòa ly hôn nên chi Mai yêu cầu ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung Đỗ Tấn N, sinh ngày xx/xx/xxxx đang sống với anh T và ông bà nội của cháu. Chị M yêu cầu giao cho anh T trực tiếp nuôi cọn chung, chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Tấn T vắng mặt không có lời trình bày.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Tuyết M. Chị M được ly hôn anh Đỗ Tấn T. Giao con chung Đỗ Tấn N, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Đỗ Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định. Việc thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đỗ Tấn T được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[1] Về hôn nhân, chị Phạm Thị Tuyết M và anh Đỗ Tấn T tự nguyện kết hôn, được UBND xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 08/12/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình như chị M trình bày nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa để hòa giải hàn gắn tình cảm, nhưng anh T không đến, cũng không gửi cho Tòa án ý kiến về việc chị M yêu cầu ly hôn, cho thấy anh T không muốn duy trì hôn nhân. Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[2] Về nuôi con chung: Từ khi chị M bỏ đi, con chung sống với anh T và ông bà nội của cháu đã ổn định cuộc sống. Vì lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con của chị M. Ghi nhận chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử ghi nhận chị M và anh T không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

[4] Án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tuyết M.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Tuyết M và anh Đỗ Tấn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đỗ Tấn N, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Đỗ Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Tuyết M có nghĩa vụ cấp nưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Tuyết M phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0007893 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, chị M còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- UBND xã Tân Phước, huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng